

Light

FLUX SB CLOG

FLUXSBCLOG

Dép bít mũi không và mũi có khóa dán Velcro.

Dép bít mũi FLUX SB CLOG là mũi dành cho các công việc nhẹ trong môi khô ráo như nhà hàng, dịch vụ vệ sinh về c. Dép có phần trên làm từ chất liệu Lorica thoáng khí, thân mềm (không chất liệu nhân tạo), đế ngoài PU/PU chư ố ợ và gt ố n g dầu, mũi dép nanocarbon nhẹ và khóa dán t iệ n l

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
i tái chế lướ	
Đ ệm chân SJ Memory Foam	
đế g	SAU ĐÓ
Đ	PU / PU
Đứng đầ	Nanocarbon
Loạ	SB / SR, FO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
thép	0.430 kg
hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

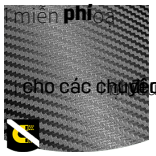
CO_2 7.47 kg



WHT



BLK



Kim l
Giày an toàn không có kim an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày.



Lorica
Lorica là cao cấp và độ chắc chắn vượt t phẩm có khả năng chống nước, dập tắt tiêu chuẩn HACCP nghiêm ng



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, kim l



(SR)
dây SR là nghĩa là phép thử



X
ESD cung cấp khả năng xả năng i mái hơ
lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



bọt tác động
thế bằng đế giày

Công nghiệp n:

ạch , Bảm t ập , phục vụ ăn uố n g, Thự ờcupẩm & Đ thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
ru ờn g môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hầ nhiệ g Không trên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** cao cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	1.80		ờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15	17			mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2	49.8		ờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20	398.8			mg/cm2
rong Đ ệ m chân	**SJ Memory Foam**					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài Đ	**PU / PU**					
	Ch ố m ngoài (mài mòn)	? 150	40.9			mm
	Chư ố trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót v ề phía t	? 0.31	0.49			ma sát
	ru Cột cố ả g - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.36	0.48			ma sát
	ru Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t	? 0.19	0.30			ma sát
	Chư ố trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.22	0.25			ma sát
	ị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	18.7			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	14			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20	30			J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5			mm

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ả	ế t ả	ơn vị u	đo l	Đ ờn g q
i **CO#** hát thả						
	V ật l iệu		5.20			kg
	Bao bì		0.12			kg
	ất Sản x u		1.90			kg
	Chuyên ch ở		0.26			kg
			7.47 kg CO2/ cặp			

	Sự miêu t ả	ả	ế t	K u	q
ệ vật l Tiệ ỷ **tái** ch ế					
	Product			11%	
	Bao bì			99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính